

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/04/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị

T với anh Tôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 03 năm 2024; Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 08/TB-TA ngày 01/04/2024, giữa các đương sự:

1. *K đơn:* Chị Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1994; có mặt

Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định

2. *Bị đơn:* Anh Dương Đức M, sinh năm 1993; vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

Nơi đăng ký tạm trú: Số 463-465 đường H, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, K đơn chị Đoàn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Dương Đức M cùng đi du học tại Nhật Bản. Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, anh chị đã tổ chức lễ thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản ngày 21/10/2019. Tháng 03/2021 chị về Việt Nam. Do dịch Covid bùng phát nên chị ở lại Việt Nam để sinh con, anh Tôn quay lại Nhật Bản để làm ăn. Tháng 05/2022, chị và con sang Nhật Bản sống cùng với anh Tôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống. Tháng 07/2022, anh Tôn về Việt Nam. Từ đó chị và anh Tôn sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Tháng 03/2023, chị về Việt Nam, nhưng chị không về chung sống cùng anh

Tôn mà về thẳng nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Đức M

Về con chung: Chị và anh Dương Đức M sinh được con chung là Dương Khang K, sinh ngày 31/05/2020, đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, chị không yêu cầu anh Tôn cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân Công ty may Nhật Hồng, địa chỉ: Trường Tiến, Nam Định, thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, chị đủ điều kiện để nuôi các con chị trưởng thành.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Dương Đức M trình bày: Từ tháng 04 đến 07/2022, anh du học tại Nhật Bản. Tại đây anh có quen và kết hôn với chị Đoàn Thị Kim T. Anh và chị T có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản. Trước khi kết hôn anh và chị T có được tự nguyện tìm hiểu trong khoảng 03 tháng. Anh chị tổ chức chức lễ thành hôn theo nghi thức Thiên chúa giáo. Tháng 12/2019, anh và chị T về nước và tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi tổ chức đám cưới chị T về nhà anh làm dâu được 02 đến 03 ngày thì chị chuyển về Nam Định sinh sống. Cưới nhau được 01 tuần anh lại trở lại Nhật Bản làm việc, còn chị T về Nam Định ở được khoảng 01 tháng thì dẫn cả con nhỏ sang ở cùng anh tại Nhật Bản. Tháng 07/2022, do bị ốm nên anh về nước. Tháng 03/2023 chị T cũng về nước, nhưng chị không về nhà anh mà về thẳng nhà mẹ đẻ chị T ăn ở. Hai vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi cưới nhau được vài ngày. K nhân do vợ chồng anh không ở cùng với nhau thường xuyên nên vợ chồng không có nhiều tình cảm, tính nết chị T thay đổi. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T sinh được con chung là Dương Khang K, sinh ngày 31/05/2020, đang ở với chị T, vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con, anh đồng ý. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiên hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. K đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Đoàn Thị Kim T ly hôn với anh Dương Đức M; về con chung, giao cho chị T nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Chị Đoàn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung giữa chị với anh Dương Đức M. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình. Các đương sự có văn bản thỏa thuận giải quyết vụ việc tại Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim T kết hôn với anh Dương Đức M trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại thành phố Fukuoka, Nhật Bản, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. K nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh Tôn sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Tôn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tôn, anh Tôn đồng ý. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị Đoàn Thị Kim T ly hôn với anh Dương Đức M.

[3]. Về con chung: Chị Đoàn Thị Kim T và anh Dương Đức M sinh được 01 con là Dương Khang K, sinh ngày 31/05/2020, đang ở với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh Tôn đồng ý. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao con cho chị T nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008059 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 22/01/2024.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Kim T ly hôn với anh Dương Đức M.

2. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Kim T nuôi con là Dương Khang K, sinh ngày 31/05/2020. Anh Dương Đức M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con,

không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008059 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 22/01/2024.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân